

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
BẾN TRE**

Số : 767/20/CBTT-DBT
Về việc CBTT BCTC hợp nhất
Quý 2 năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Bến Tre, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán : DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 6A3, quốc lộ 60, P. Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng điều hành tại TPHCM: số 11 đường Nguyễn Trọng Quyền, P Tân Thới Hòa, Q Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại : 0283.622.0205
6. Người được ủy quyền công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Cáp Tiến.
7. Nội dung của thông tin công bố :
 - 7.1. Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được lập ngày 27 tháng 7 năm 2020 gồm: BCĐKT hợp nhất, BCKQKD hợp nhất, BCLCTT hợp nhất, TMBCTC hợp nhất.
 - 7.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2020 giảm 2,362,767,717 đồng so với quý 2 năm 2019, nguyên nhân:
 - Chi phí lãi vay tăng 1,909,232,503 đồng do chủ động nguồn hàng trong tình trạng ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên Công ty tăng nhập hàng và được tài trợ bằng vốn vay.
 - Tăng chi phí bán hàng 4,266,964,049 đồng nhằm để kích cầu bán hàng trong tình hình khó khăn của dịch bệnh Covid còn đang diễn biến phức tạp.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: HCNS.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC**



PHẠM THỨ TRIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		581,049,029,735	543,581,411,753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30,387,328,723	31,784,441,041
1. Tiền	111		20,387,328,723	21,784,441,041
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	10,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		52,768,341,208	50,317,960,204
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	52,768,341,208	50,317,960,204
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155,008,207,460	157,051,575,568
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	135,609,888,463	133,536,655,299
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1,562,425,260	1,944,869,042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10,000,000,000	10,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	8,614,394,596	12,480,535,881
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(778,500,859)	(910,484,654)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		327,895,907,233	290,675,870,633
1. Hàng tồn kho	141	V.8	328,502,524,729	291,464,806,073
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(606,617,496)	(788,935,440)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14,989,245,111	13,751,564,307
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1,502,322,896	554,125,216
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12,888,100,673	13,056,703,510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	598,821,542	140,735,581
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163,953,567,376	170,402,873,065
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,777,515,672	3,777,275,515
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4,777,515,672	3,777,275,515
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		77,180,607,930	83,386,179,386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	73,299,992,562	79,384,180,296
- Nguyên giá	222		173,115,896,755	172,941,574,026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99,815,904,193)	(93,557,393,730)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3,880,615,368	4,001,999,090
- Nguyên giá	228		6,282,078,777	6,198,788,777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,401,463,409)	(2,196,789,687)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
- Nguyên giá	231		52,826,363	52,826,363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52,826,363)	(52,826,363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,136,496,296	1,136,496,296
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1,136,496,296	1,136,496,296
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		56,392,964,962	55,213,913,039
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	56,392,964,962	55,213,913,039
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24,465,982,516	26,889,008,829
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	18,830,568,396	19,798,676,849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	637,854,614	1,713,077,689
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	4,997,559,506	5,377,254,291
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		745,002,597,111	713,984,284,818

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		500,208,060,275	476,120,136,380
I. Nợ ngắn hạn	310		487,769,621,430	466,570,466,511
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	102,450,516,621	135,573,039,969
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	440,749,334	491,732,713
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	2,126,099,698	4,558,071,588
4. Phải trả người lao động	314	V.19	8,458,390,227	3,133,546,332
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	2,128,090,120	18,563,313
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		180,000,000	180,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a, c	1,330,231,471	4,409,324,211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a, c	369,307,847,472	317,506,537,769
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	1,347,696,487	699,650,616
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12,438,438,845	9,549,669,869
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b, c	180,500,000	130,500,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b, c	11,501,827,000	8,821,647,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	756,111,845	597,522,869
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		244,794,536,836	237,864,148,438
I. Vốn chủ sở hữu	410		244,744,536,836	237,814,148,438
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	135,288,140,000	135,288,140,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135,288,140,000	135,288,140,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	433,056,160	433,056,160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	9,354,804,815	9,354,804,815
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	2,536,822,093	2,536,822,093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	40,570,890,967	35,709,307,160
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		34,397,681,897	35,709,307,160
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6,173,209,070	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25	56,560,822,801	54,492,018,210
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50,000,000	50,000,000
1. Nguồn kinh phí	431	V.26	50,000,000	50,000,000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		745,002,597,111	713,984,284,818



Nguyễn Thị Thanh Giang
Người lập



Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

KẾ TÍNH: A.S.N.TY/6/11

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

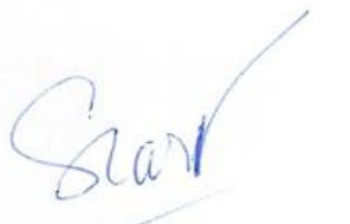
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	193,946,077,651	190,765,590,955	398,183,670,881	371,808,358,952
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	892,706,332	1,191,528,380	1,690,101,260	3,454,679,773
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		193,053,371,319	189,574,062,575	396,493,569,621	368,353,679,179
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	144,052,269,892	143,740,073,050	293,965,849,786	280,394,406,018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49,001,101,428	45,833,989,525	102,527,719,835	87,959,273,161
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,342,602,000	1,637,208,993	4,551,212,413	2,617,182,432
7. Chi phí tài chính	22		6,144,431,660	4,185,374,781	11,589,401,600	7,975,900,084
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,445,839,158	3,536,606,655	10,621,873,669	6,945,308,778
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	456,697,252	747,464,620	456,697,252	1,804,597,100
9. Chi phí bán hàng	25		33,802,483,620	29,535,519,571	62,271,363,207	48,680,847,735
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9,948,786,384	10,679,901,971	24,636,598,277	23,682,536,911
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,904,699,016	3,817,866,815	9,038,266,416	12,041,767,963
12. Thu nhập khác	31		435,894,946	510,423,408	1,009,860,702	1,024,390,008
13. Chi phí khác	32		7,988,311	15,207,081	8,469,210	16,353,159
14. Lợi nhuận khác	40		427,906,635	495,216,327	1,001,391,492	1,008,036,849
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,332,605,651	4,313,083,142	10,039,657,908	13,049,804,812
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		95,507,187	1,094,748,172	1,830,017,722	2,614,949,937
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1,233,812,051	(147,719,160)	1,233,812,051	237,115,079
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,003,286,413	3,366,054,130	6,975,828,135	10,197,739,796
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1,862,001)	3,754,900,646	4,617,754,135	9,121,273,705
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1,005,148,414	(388,846,516)	2,358,074,000	1,076,466,091
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4		-	335	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.4		-	335	-


Nguyễn Thị Thanh Giang
 Người lập


Nguyễn Thế Quốc Uy
 Kế toán trưởng


Phạm Thử Triệu
 Tổng Giám đốc



Bến Tre, ngày 27 tháng 7 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10,039,657,908	13,049,804,812
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6,463,184,185	6,778,815,940
- Các khoản dự phòng	03	(314,301,739)	(509,317,287)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	138,592,699	182,810,449
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(89,551,526)	(780,192,163)
- Chi phí lãi vay	06	3,676,564,891	6,945,308,778
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19,914,146,418	25,667,230,529
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1,265,323,407	18,748,796,023
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(37,037,718,656)	10,616,581,557
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	26,191,189,922	(23,898,352,644)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3,656,654,118)	(1,809,778,247)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	3,627,523,718	(6,945,308,778)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	3,886,520,143	(2,597,443,001)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	741,164,465	(4,198,038,820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14,931,495,299	15,583,686,619
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(257,612,729)	(913,188,546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2,450,381,004)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,179,051,923)	10,000,000,000.00
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	780,192,163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3,887,045,656)	(10,132,996,383)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(75,750,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	108,962,979,406	273,428,456,718
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(121,404,541,367)	(270,427,898,080)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(9,352,346,960)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(12,441,561,961)	(6,427,538,322)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1,397,112,318)	(976,848,086)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	31,784,441,041	45,955,511,248
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	30,387,328,723	44,978,663,162

Nguyễn Thị Thanh Giang
Người lập

Bến Tre, ngày 27 tháng 7 năm 2020

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Phạm Thử Triệu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái.	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	82,15%	53,53%	82,15%	53,53%
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

5b. Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha có trụ sở chính tại 334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh dược phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 23,14% (số đầu năm là 23,14%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là tiền thuê đất trả trước tại văn phòng Bến Tre và chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Bến Tre mà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (340 tháng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng

Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng tại TP. Nha Trang và tỉnh Yên Bái được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dùng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến Kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	11,737,851,867	1,686,175,796
Tiền gửi ngân hàng	8,649,476,856	20,098,265,245
Các khoản tương đương tiền	10,000,000,000	10,000,000,000
Cộng	30,387,328,723	31,784,441,041

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	52,768,341,208	52,768,341,208	50,317,960,204	50,317,960,204
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	37,768,341,208	37,768,341,208	35,317,960,204	35,317,960,204
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000
Dài hạn	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Cộng	52,768,341,208	52,768,341,208	50,317,960,204	50,317,960,204

Khoản đầu tư 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng trái phiếu này đã được cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	48,108,225,000	48,108,225,000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	8,284,739,962	7,105,688,039
Cộng	56,392,964,962	55,213,913,039

Tập đoàn nắm giữ 4.226.950 cổ phiếu, tương đương 23,14% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	55,213,913,039	54,323,710,795
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	456,697,252	5,927,693,372
Cổ tức được chia trong kỳ	-	(2,958,539,524)
Trích lập quỹ trong kỳ	-	(1,272,480,843)
Các khoản khác	722,354,671	(806,470,761)
Số cuối năm	56,392,964,962	55,213,913,039

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Mua hàng hóa	27,741,062,977	3,311,754
Bán hàng hóa	515,892,040	550,627,168
Cổ tức được chia	-	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bên liên quan	269,718,120	184,343,715
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	269,718,120	184,343,715
Phải thu các khách hàng khác	135,340,170,343	133,352,311,584
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	5,718,183,506	4,440,913,536
Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến	3,156,683,320	324,000,000
Văn phòng Điều phối các Dự án về Dân số	-	5,965,050,000
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	177,002,100	2,874,357,486
Các khách hàng khác	126,288,301,417	119,747,990,562
Cộng	135,609,888,463.00	133,536,655,299

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	318,659,550
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	550,200,000	550,200,000
Hanh Ngo Inc.	-	82,655,145
CN Công Ty CP Tập Đoàn Vàng Bạc Đá Quý Doji Hà Nội	266,166,000	-
Các nhà cung cấp khác	746,059,260	993,354,347
Cộng	1,562,425,260	1,944,869,042

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu tiền góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones (là bên liên quan) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHTKD-MS

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

ngày 12 tháng 3 năm 2019, mức lợi nhuận được chia cố định là 260.000.000 VND/quý. Thời hạn của hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019 và được tự động gia hạn. Hợp đồng kéo dài không quá 3 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản phải thu này được bảo lãnh bởi Ông Vũ Quang Đông (xem thuyết minh số VII.2a).

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	137,000,000	-	615,449,888	-
Thành viên Ban điều hành - tạm ứng	137,000,000	-	60,000,000	-
Thành viên Ban điều hành - thuế thu nhập cá nhân chi hộ	-	-	390,205,444	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones - lãi dự thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	165,244,444	-	165,244,444	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8,477,394,596	-	11,865,085,993	-
Tạm ứng	3,872,550,871	-	3,674,151,292	-
Tiền lãi ngân hàng dự thu	-	-	481,627,397	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ⁽ⁱ⁾	3,756,401,652	-	6,898,821,504	-
Các khoản chi hộ - thuế thu nhập cá nhân	-	-	760,485,800	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	683,197,629	-	50,000,000	-
Cộng	8,614,394,596	-	12,480,535,881	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	95,938,480	-	95,938,480	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	95,938,480	-	95,938,480	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4,681,577,192	-	3,681,337,035	-
Công ty Cổ phần Sơn và Chất dẻo - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1,140,000,000	-	1,140,000,000	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ⁽ⁱⁱ⁾	3,441,577,192	-	2,355,097,035	-
Phải trả dài hạn khác	100,000,000	-	186,240,000	-
Cộng	4,777,515,672	-	3,777,275,515	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ quá hạn

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	910,484,654	1,342,203,908
Trích lập/(Hoàn nhập)/Xử lý dự phòng	(131,983,795)	(431,719,254)
Số cuối kỳ	910,484,654	910,484,654

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	13,112,193,956	-
Nguyên liệu, vật liệu	18,709,988,287	-	10,987,123,874	-
Công cụ, dụng cụ	35,154,247	-	36,896,386	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3,957,717,882	-	2,485,277,649	-
Thành phẩm	10,195,268,258	-	1,773,791,578	-
Hàng hóa ⁽ⁱ⁾	295,604,396,055	(606,617,496)	263,069,522,630	(788,935,440)
Cộng	328,502,524,729	(606,617,496)	291,464,806,073	(788,935,440)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	788,935,440	441,426,065
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng bổ sung	(182,317,944)	598,178,283
Xuất hủy trong kỳ	-	(250,668,908)
Số cuối kỳ	606,617,496	788,935,440

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	229,736,832	401,976,185
Đồng phục nhân viên	695,707,527	-
Chi phí bảo hiểm	7,770,741	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	576,878,538	152,149,031
Cộng	1,502,322,896	554,125,216

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất trả trước ⁽ⁱ⁾	10,523,332,693	10,728,164,075
Chi phí công cụ, dụng cụ	1,407,596,490	1,255,373,635
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng	5,592,389,333	6,406,079,998
Chi phí tư vấn chuyển nhượng quyền phân phối sản phẩm "Cảm Xuyên Hương dạng cốt"	-	1,133,333,335
Quyền phân phối sản phẩm "Cảm Xuyên Hương dạng cốt"	-	33,333,332
Chi phí trả trước dài hạn khác	1,307,249,880	242,392,474
Cộng	18,830,568,396	19,798,676,849

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	85,301,233,373	62,247,557,247	17,087,082,878	8,305,700,528	172,941,574,026
Mua trong kỳ	-	123,413,638	-	50,909,091	174,322,729
Đầu tư XDCB					
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối kỳ	85,301,233,373	62,370,970,885	17,087,082,878	8,356,609,619	173,115,896,755
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	32,429,663,253	45,208,130,321	8,694,700,150	7,224,900,006	93,557,393,730
Khấu hao trong kỳ	2,356,933,915	2,945,378,318	642,781,579	313,416,651	6,258,510,463
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ					
Số cuối kỳ	34,786,597,168	48,153,508,639	9,337,481,729	7,538,316,657	99,815,904,193
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52,871,570,120	17,039,426,926	8,392,382,728	1,080,800,522	79,384,180,296
Số cuối kỳ	50,514,636,205	14,217,462,246	7,749,601,149	818,292,962	73,299,992,562

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,302,988,457	1,895,800,320	6,198,788,777
Mua trong kỳ		83,290,000	83,290,000
Số cuối kỳ	4,302,988,457	1,979,090,320	6,282,078,777
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	150,200,000	150,200,000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	870,254,690	1,326,534,997	2,196,789,687
Khấu hao trong kỳ	19,636,858	185,036,864	204,673,722
Số cuối kỳ	889,891,548	1,511,571,861	2,401,463,409
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3,432,733,767	569,265,323	4,001,999,090
Số cuối kỳ	3,413,096,909	467,518,459	3,880,615,368

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	52,826,363
Số cuối kỳ	52,826,363
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	52,826,363
Số cuối kỳ	52,826,363
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối kỳ	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang ⁽ⁱ⁾	1.136.496.296	-	-	1.136.496.296
Cộng	1.136.496.296			1.136.496.296

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi của giao dịch bán hàng nội bộ trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	1,713,077,689	1,187,359,258
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1,075,223,075)	525,718,431
Số cuối kỳ	637,854,614	1,713,077,689

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3,284,615,191	4,309,280,504	7,593,895,695
Số cuối kỳ	3,284,615,191	4,309,280,504	7,593,895,695
6			
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	1,067,499,937	1,149,141,467	2,216,641,404
Phân bổ trong kỳ	164,230,760	215,464,025	379,694,785
Số cuối kỳ	1,231,730,697	1,364,605,492	2,596,336,189
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,217,115,254	3,160,139,037	5,377,254,291
Số cuối kỳ	2,052,884,494	2,944,675,012	4,997,559,506

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	-	164,730
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	-	164,730
Phải trả các nhà cung cấp khác		135,572,875,239

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd,	7,425,533,647	27,095,830,059
Egis Pharmaceuticals Plc, Hungary	2,839,453,370	12,242,575,306
Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến	10,990,242,643	10,990,242,643
Raptakos, Brett Co, Ltd,	14,946,224,556	1,964,764,844
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	216,471,135	20,934,949,763
Các nhà cung cấp khác ⁽ⁱ⁾	66,032,591,270	75,299,520,111
Cộng	<u>102,450,516,621</u>	<u>135,573,039,969</u>

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công Ty TNHH Dược phẩm Hiệp Thuận Thành		96,250,000
Công ty Cổ phần Dược An Hồng	90769003	90,769,003
Công ty TNHH Innovacare Việt Nam	95,592,000	95,592,000
Các khách hàng khác	216,073,831	209,121,710
Trung tâm Y tế huyện Dương Minh Châu	38,314,500	
Cộng	<u>440,749,334</u>	<u>491,732,713</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	613,403,651	140,735,581	1,101,471,392	1,648,605,415	192,147,281	266,613,234
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	8,311,295,526	8,311,295,526		
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	38,004,158	38,004,158		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,539,300,626	-	3,164,389,385	3,886,520,143	1,830,017,722	12,847,854
Thuế thu nhập cá nhân	1,405,367,311	-	516,230,427	2,137,023,497	103,934,695	319,360,454
Thuế nhà đất	-	-	11,425,078	11,425,078		
Tiền thuê đất	-	-	262,680,224	262,680,224		
Các khoản phải nộp khác	-	-	25,728,009	25,728,009		
Cộng	<u>4,558,071,588</u>	<u>140,735,581</u>	<u>13,431,224,199</u>	<u>16,321,282,050</u>	<u>2,126,099,698</u>	<u>598,821,542</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế: 5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác: 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	2,586,269,296	4,184,205,999
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	578,120,089	1,343,455,212
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	-	102,233,425
Cộng	<u>3,164,389,385</u>	<u>5,629,894,636</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất và thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	2,128,090,120	-
Chi phí lãi vay phải trả	-	18,563,313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Cộng	<u>2,128,090,120</u>	<u>18,563,313</u>

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>19,500,000</i>	<i>19,500,000</i>
Thành viên Ban điều hành - cổ tức phải trả	19,500,000	19,500,000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1,310,731,471</i>	<i>4,389,824,211</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	43,325,179	43,325,179
Kinh phí công đoàn	344,492,740	210,083,933
Bảo hiểm xã hội	5,221,216	124,616,372
Bảo hiểm y tế	1,173,450	-
Bảo hiểm thất nghiệp	89,300	-
Cổ tức phải trả	429,061,950	429,061,950
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	238,221,000	238,221,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	249,146,636	3,344,515,777
Cộng	<u>1,330,231,471</u>	<u>4,409,324,211</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay

22a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>366,480,770,835</i>	<i>314,679,461,132</i>
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	258,129,469,129	229,302,557,339
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	38,124,817,033	52,368,417,424
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	9,575,278,497	19,989,249,950
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Phú Nhuận	41,311,561,247	
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái ^(iv)	19,339,644,929	13,019,236,419
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>187,436,637</i>	<i>187,436,637</i>
Vay các cá nhân ^(v)	187,436,637	187,436,637
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V,22b)</i>	<i>2,639,640,000</i>	<i>2,639,640,000</i>
Cộng	<u>369,307,847,472</u>	<u>317,506,537,769</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn như sau:
- Cầm cố trái phiếu tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V,2a).
 - Thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng.
 - Cầm cố hàng hóa tồn kho là dược phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu 90 tỷ VND.
 - Thế chấp một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất thuê tại thửa số 13, tờ bản đồ số 5, phường Phú Tân, TP, Bến Tre, tỉnh Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo...
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tuần, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn như sau:
- Thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng.
 - Thế chấp một số quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre.
 - Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp và việc thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 06 tháng với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là nhà xưởng, nhà văn phòng và máy móc thiết bị.
- Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

22b. Vay dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	903,000,000	1,233,000,000
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	6,598,827,000	7,588,647,000
Vay Ông/Bà Vương Hạnh Phương	4,000,000,000	
Cộng	<u>11,501,827,000</u>	<u>8,821,647,000</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 14911,018/2019/HĐCVDADT/NHCT78005-BEPHARCO ngày 31 tháng 10 năm 2019 để mua sắm xe ô tô Toyota Innova mang biển kiểm soát 71A-072,38 với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tháng, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 11 năm 2019.
- Hợp đồng vay số 024454,025/2019/HĐCVDADT/NHCT78005-BEPHARCO ngày 18 tháng 11 năm 2019 để mua sắm xe đông lạnh hiệu Hino FG9JT7A-G với lãi suất 8,9%/năm trong thời hạn 24 tháng kể từ thời điểm giải ngân và được điều chỉnh hàng tháng sau khi kết thúc thời gian ưu đãi, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 18 tháng 12 năm 2019.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre để bù đắp chi phí thanh toán tiền thuê đất đối với 15 thửa đất tại tỉnh Bến Tre với lãi suất 8%/năm tính đến ngày 11 tháng 11 năm 2020 và được điều chỉnh hàng quý, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 11 năm 2019. Khoản vay này được được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty tại TP, Đà Nẵng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2,639,640,000	2,639,640,000
Trên 1 năm đến 5 năm	11,501,827,000	8,821,647,000
Cộng	<u>14,141,467,000</u>	<u>11,461,287,000</u>

22c. *Vay quá hạn chưa thanh toán*

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

23. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

Số đầu năm	699,650,616
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	849,452,871
Chi quỹ	(201,407,000)
Số cuối kỳ	<u>1,347,696,487</u>

24. **Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	597.522.869
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	158,588,976
Số cuối kỳ	<u>756,111,845</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Đậu Thị Thúy Mai	20,157,340,000	20,157,340,000
Bà Lê Thị Trúc Linh	10,250,000,000	10,250,000,000
Ông Lê Văn Minh	19,153,830,000	19,153,830,000
Ông Phạm Thứ Triệu	10,389,650,000	10,389,650,000
Các tổ chức và cá nhân khác	75,337,320,000	75,337,320,000
Cộng	135,288,140,000	135,288,140,000

25c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13,528,814	13,528,814
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13,528,814	13,528,814
- Cổ phiếu phổ thông	13,528,814	13,528,814
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,528,814	13,528,814
- Cổ phiếu phổ thông	13,528,814	13,528,814

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập tủ thuốc dự phòng.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

27a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	30.784,88	30.784,88
Euro (EUR)	201,85	201,85

27b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu Ông Huỳnh Lê Duy Việt – Kế toán trưởng Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đương sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>	Nguyên nhân
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	5,283,260,500	5,283,260,500	Đương sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	6,584,879	-	TDV có đòi nhiều lần nhưng không thu hồi được

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Nguyên nhân
Đại lý 353 Cao Văn Tươi	33,111,268	-	Mất tích
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	3,106,853	-	Mất tích
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật tư Y tế Quảng Ngãi	66,641,390	-	Chờ cho phép phá sản
Bệnh viện Đa khoa Tây Đô	14,486,850	-	Mất khả năng thanh toán
Nhà thuốc Bệnh viện Tây Đô	4,966,500	-	Mất khả năng thanh toán
Công ty TNHH MTV Bệnh viện Mekong Cần Thơ	3,086,055	-	Mất khả năng thanh toán
Cộng	5,415,244,295		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	395,154,838,574	326,778,277,043
Doanh thu bán thành phẩm	2,758,832,307	44,478,441,033
Doanh thu cung cấp dịch vụ		298,004,511
Doanh thu cho thuê mặt bằng	270,000,000	253,636,364
Cộng	398,183,670,881	371,808,358,951

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Chiết khấu thương mại	1,146,890,135	1,801,667,753
Hàng bán bị trả lại	64,756,999	1,625,182,146
Giảm giá hàng bán	478,454,126	27,829,874
Cộng	1,690,101,260	3,454,679,773

3. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	275,164,997,712	250,849,697,909
Giá vốn của thành phẩm đã bán	16,086,081,996	28,095,288,544
Giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng, hết hạn, xuất hủy	2,526,837,767	97,457,382
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	182,317,944	1,198,013,653
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	598,178,283	153,948,530
Cộng	293,965,849,786	280,394,406,018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Lãi trên cổ phiếu

4a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>6 tháng đầu năm nay</u>	<u>6 tháng đầu năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	4,617,754,135	9,121,273,705
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính ⁽ⁱ⁾	(92,355,083)	(182,425,474)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4,525,399,052	8,938,848,231
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13,528,814	12,314,494
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	335	726

(i) Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 2% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

4b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.



Nguyễn Thị Thanh Giang
Người lập



Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 27 tháng 7 năm 2020



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	123,144,940,000	538,056,160	8,876,126,506	2,536,822,093	45,119,223,748	70,058,030,234	250,273,198,741
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	8,585,262,874	426,229,536	9,011,492,410
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	(1,520,304,507)	-	(1,520,304,507)
Chia cổ tức bằng tiền trong kỳ trước	-	-	-	-	(18,471,741,000)	-	(18,471,741,000)
Chi thù lao Hội đồng quản trị trong kỳ trước	-	-	-	-	(62,148,330)	(53,951,670)	(116,100,000)
Các khoản khác	-	-	-	-	(68,968,910)	(1,036,956,090)	(1,105,925,000)
Số dư cuối kỳ trước	123,144,940,000	538,056,160	8,876,126,506	2,536,822,093	33,581,323,875	69,393,352,010	238,070,620,644
Số dư đầu năm nay	135,288,140,000	433,056,160	9,354,804,815	2,536,822,093	35,709,307,160	54,492,018,210	237,814,148,438
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	4,617,754,135	2,358,074,000	6,975,828,135
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(42,985,245)	-	(42,985,245)
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	(729,289,926)	-	(849,452,871)
Chi thù lao Hội đồng quản trị trong kỳ này	-	-	-	-	(616,223,427)	(13,012,650)	(629,236,077)
Hủy ghi nhận thuế TNDN về lãi vay không được trừ năm 2017, 2018, 2019	-	-	-	-	1,628,354,935	-	1,628,354,935
Chi nộp theo Công văn số 325/SYT-NVD ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Yên Bái	-	-	-	-	(718,381,336)	(156,093,814)	(874,475,150)
Các khoản khác	-	-	-	-	722,354,671	-	722,354,671
Số dư cuối kỳ này	135,288,140,000	433,056,160	9,354,804,815	2,536,822,093	40,570,890,967	56,560,822,801	244,744,536,836

Nguyễn Thị Thanh Giang

Nguyễn Thị Thanh Giang
 Người lập

